



Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
Số 115 Phố Nguyễn Gia Tự
Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Ngày 23 tháng 3 năm 2017

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 (Công ty) đã được chọn thành lập đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty Cổ phần Kiểm toán và Tư vấn Kế toán (Công ty Kiểm toán) để kiểm toán báo cáo tài chính do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Chủ tịch

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Công Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1/1/2017)

Ông Trương Thanh Xuân

Tổng Giám đốc

(từ ngày 1/1/2017)

Ông Vũ Văn Khoa

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 1/1/2017)

Ông Hoàng Minh Thắng

Phó Tổng Giám đốc

(từ ngày 1/1/2017)

Số 115 Phố Nguyễn Gia Tự
Quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận	0400102077	ngày 25 tháng 3 năm 2015
Đăng ký Doanh nghiệp số	0400102077	ngày 23 tháng 5 năm 2017

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0400102077 ngày 23 tháng 5 năm 2017. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Nguyễn Thành Linh	Chủ tịch
	Ông Trương Thoại Nhân	Ủy viên
	Ông Nguyễn Văn Thảo	Ủy viên
	Bà Võ Kim Huệ	Ủy viên
	Ông Hoàng Minh Thắng	Ủy viên (đến ngày 1/10/2017)

Ban Tổng Giám đốc	Ông Nguyễn Đức Thắng	Tổng Giám đốc (từ ngày 19/5/2017)
	Ông Nguyễn Thành Linh	Tổng Giám đốc (đến ngày 18/5/2017)
	Ông Trương Thoại Nhân	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế toán trưởng
	Ông Vũ Tam Khôi	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 5/7/2017)
	Ông Hoàng Minh Thắng	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1/10/2017)

Trụ sở đăng ký	Số 115 Phố Ngô Gia Tự Quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng Việt Nam
-----------------------	---

Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam
--------------------------	-------------------------------

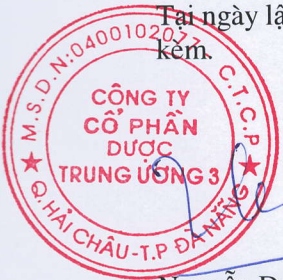
Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 32 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Nguyễn Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 29 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh - thông tin so sánh

Chúng tôi lưu ý tới Thuyết minh 33 của báo cáo tài chính, trong đó trình bày việc thông tin so sánh được trình bày tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được điều chỉnh lại. Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ về vấn đề này.

Vấn đề khác liên quan đến thông tin so sánh

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, mà từ đó các thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trích ra, không bao gồm các điều chỉnh được trình bày tại Thuyết minh 33 của báo cáo tài chính này, được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 2 năm 2017.

Trong quá trình kiểm toán báo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, chúng tôi đã kiểm toán các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 33 của báo cáo tài chính này được áp dụng để điều chỉnh lại các số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 mà thông tin so sánh được trình bày tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 dựa trên các số liệu đó. Chúng tôi không được chỉ định để kiểm toán, soát xét hay thực hiện bất kỳ thủ tục nào đối với báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016, ngoài các thủ tục kiểm toán được áp dụng đối với các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 33 của báo cáo tài chính này. Do đó, chúng tôi không đưa ra bất cứ ý kiến hay hình thức đảm bảo nào đối với báo cáo tài chính đó. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh trình bày tại Thuyết minh 33 của báo cáo tài chính này là phù hợp và được áp dụng đúng đắn.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 17-02-425



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

Lê Việt Hùng
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 296-2018-007-1

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (Điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		158.177.432.455	184.237.108.888
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	18.432.308.812	18.035.741.184
Tiền	111		18.432.308.812	18.035.741.184
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.822.113.558	120.972.230.811
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	86.137.853.380	119.591.848.542
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	1.540.634.735	200.237.504
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	2.589.011.082	1.862.961.305
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(1.445.385.639)	(682.816.540)
Hàng tồn kho	140	9	49.697.748.600	41.855.951.992
Hàng tồn kho	141		50.692.198.105	41.855.951.992
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(994.449.505)	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.225.261.485	3.373.184.901
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.681.833	-
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		811.475.091	2.174.252.749
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	14(a)	412.104.561	1.198.932.152
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 260)	200		10.142.009.019	12.559.236.006
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	1.161.500
Phải thu dài hạn khác	218		-	1.161.500
Tài sản cố định	220		7.954.998.968	8.994.809.807
Tài sản cố định hữu hình	221	10	7.919.568.861	8.994.809.807
Nguyên giá	222		27.918.021.927	27.347.919.927
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.998.453.066)	(18.353.110.120)
Tài sản cố định vô hình	227	11	35.430.107	-
Nguyên giá	228		210.000.000	170.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(174.569.893)	(170.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		2.187.010.051	3.563.264.699
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	2.187.010.051	3.563.264.699
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		168.319.441.474	196.796.344.894

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

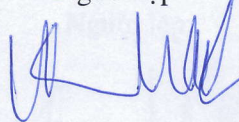
Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND (Điều chỉnh lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		145.344.537.116	176.900.357.819
Nợ ngắn hạn	310		145.344.537.116	176.900.357.819
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	108.264.677.071	129.098.352.794
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.656.556.397	1.869.926.644
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14(b)	47.212.309	159.045.947
Phải trả người lao động	314		1.927.588.971	1.973.552.084
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		296.078.624	83.508.736
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	210.261.163
Phải trả ngắn hạn khác	319	15	9.675.929.609	27.959.796.372
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	21.354.957.334	14.447.060.143
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	1.121.536.801	1.098.853.936
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		22.974.904.358	19.895.987.075
Vốn chủ sở hữu	410	18	22.974.904.358	19.895.987.075
Vốn góp của chủ sở hữu	411	19	17.500.000.000	17.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		17.500.000.000	17.500.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(167.280.000)	(100.440.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	898.744.210	598.744.210
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		4.743.440.148	1.897.682.865
- LNST chưa phân phối/(lỗ lũy kế) đến cuối năm trước	421a		15.000.000	(159.245.567)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		4.728.440.148	2.056.928.432
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		168.319.441.474	196.796.344.894

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trương Thoại Nhân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

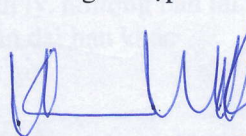
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	248.418.405.816	321.025.968.124
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	3.330.723.674	153.602.960
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		245.087.682.142	320.872.365.164
Giá vốn hàng bán	11		205.082.778.790	274.161.170.035
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		40.004.903.352	46.711.195.129
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	395.528.963	349.997.402
Chi phí tài chính	22	25	2.115.849.552	3.799.586.864
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.457.060.611	1.418.841.445
Chi phí bán hàng	25	26	18.208.206.058	26.834.254.652
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	18.542.708.063	14.014.585.500
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		1.533.668.642	2.412.765.515
Thu nhập khác	31	28	4.678.457.118	206.892.563
Chi phí khác	32		364.273	40.209.788
Kết quả các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.678.092.845	166.682.775
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		6.211.761.487	2.579.448.290
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	1.483.321.339	522.519.858
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		4.728.440.148	2.056.928.432
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	2.721	1.182

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trương Thoại Nhân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND (Điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		6.211.761.487	2.579.448.290
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		1.649.912.839	1.821.836.971
Các khoản dự phòng	03		1.757.018.604	682.816.540
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		11.351.194	20.996.627
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.601.168.196)	(99.434.111)
Chi phí lãi vay	06		1.457.060.611	1.418.841.445
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		6.485.936.539	6.424.505.762
Biến động các khoản phải thu	09		33.539.385.454	(39.255.577.791)
Biến động hàng tồn kho	10		(8.836.246.113)	38.254.949.957
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(38.450.182.197)	5.475.786.120
Biến động chi phí trả trước	12		(201.864.487)	(2.284.957.599)
			(7.462.970.804)	8.614.706.449
Tiền lãi vay đã trả	14		(1.404.917.723)	(1.433.320.047)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.584.505.763)	(615.968.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(18.397.762)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(10.452.394.290)	6.547.020.640
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21		(610.102.000)	(324.500.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		6.052.403.391	-
Tiền thu lãi tiền gửi	27		125.202.107	99.434.111
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		5.567.503.498	(225.065.889)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

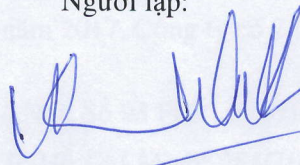
Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND (Điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		(61.200.000)	(47.400.000)
Tiền thu từ đi vay	33		38.278.692.487	42.839.385.301
Tiền trả nợ gốc vay	34		(31.370.795.296)	(45.993.627.315)
Tiền trả cổ tức	36		(1.565.640.000)	(1.050.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		5.281.057.191	(4.251.642.014)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		396.166.399	2.070.312.737
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	4	18.035.741.184	15.963.379.449
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		401.229	2.048.998
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 +61)	70	4	18.432.308.812	18.035.741.184

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trương Thoại Nhân
Kế toán trưởng

Người duyệt:




Nguyễn Đức Thắng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3 (“Công ty”) tiền thân là Công ty TNHH MTV Dược Trung Ương 3 thuộc Tổng Công ty Dược Việt Nam và được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần theo Quyết định số 4204/QĐ-BYT ngày 15/10/2014 của Bộ Y tế. Hiện nay Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Cổ phần số 0400102077 ngày 25 tháng 3 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh: dược phẩm, bao bì dược; sản phẩm chăm sóc sức khỏe, các loại thực phẩm (bổ sung chức năng), nước uống, nước tinh khiết, các chế phẩm sát khuẩn dùng trong gia dụng và y tế; bán buôn và bán lẻ các mặt hàng nguyên liệu, hóa chất và phụ liệu để sản xuất thuốc phòng và chữa bệnh; các loại vắc xin và sinh phẩm y tế; tinh dầu, hương liệu, dầu động thực vật; dụng cụ y tế, máy móc, thiết bị y tế và dược; mỹ phẩm, sản phẩm vệ sinh, sản phẩm dinh dưỡng y tế, bông, băng, gạc, kính mắt, kính thuốc; hóa chất các loại, hóa chất xét nghiệm và kiểm nghiệm ngành y tế; Dịch vụ ủy thác xuất nhập khẩu kinh doanh bất động sản; Cho thuê văn phòng, kho, xưởng; và Dịch vụ bảo quản thuốc.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 2 đơn vị trực thuộc (1/1/2017: 2 đơn vị trực thuộc) như sau:

- Chi nhánh tại Hà Nội: Số 95 Phố Láng Hạ, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Hà Nội; và
- Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh: 284/7/1 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty có 179 nhân viên (1/1/2017: 187 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với các khoản mục tài sản) và tỷ giá bán chuyển khoản (đối với các khoản mục nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai định kỳ để hạch toán hàng tồn kho.

(e) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa, vật kiến trúc 10 - 30 năm
- máy móc và thiết bị 3 - 15 năm
- phương tiện vận chuyên 5 - 15 năm

(f) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2 năm.

(g) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Lợi thế kinh doanh

Lợi thế kinh doanh được xác định thông qua quá trình cổ phần hóa Công ty và được phân bổ không quá 3 năm kể từ khi công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động (được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần lần đầu).

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo các quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(i) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(l) **Doanh thu và thu nhập khác**

(i) **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) **Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(m) **Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(n) **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(o) **Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

(p) **Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh dược phẩm tại Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Dược Việt Nam – CTCP và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	823.766.541	452.497.336
Tiền gửi ngân hàng	17.608.542.271	17.583.243.848
	18.432.308.812	18.035.741.184

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**(a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty TNHH Thiết bị Y tế Thành Công	42.060.894.332	49.417.794.932
Viện Huyết học – Truyền máu Trung Ương	11.261.717.001	1.647.540.001
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hoàng Mai	2.478.988.088	6.691.356.000
Bệnh viện Ung Bướu TP. Hồ Chí Minh	1.884.161.975	20.242.419.975
Các khách hàng khác	28.452.091.984	41.592.737.634
	86.137.853.380	119.591.848.542

(b) Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty CP Dược phẩm Ceteco USA	786.895.327	1.833.274.668

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***6. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Cổ phần Thiết bị - Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Du lịch Trung Sơn T.S.S.E	380.029.071	24.633.504
Công ty TNHH Bochemie Việt Nam	215.758.751	-
Windlas Biotech Limited	214.987.500	-
Curemed Healthcare Private Limited	162.093.750	-
Concord Pharmaceuticals Private Limited	-	62.700.000
Các nhà cung cấp khác	567.765.663	112.904.000
	<hr/>	<hr/>
	1.540.634.735	200.237.504

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND Đã điều chỉnh lại
Các khoản tạm ứng	288.496.643	710.077.600
Ký cược, ký quỹ	1.070.986.443	1.130.935.000
Phải thu về hàng ủy thác	302.852.955	-
Phải thu khác	926.675.041	21.948.705
	<hr/>	<hr/>
	2.589.011.082	1.862.961.305

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2017			1/1/2017				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Công ty TNHH Dược phẩm Phúc Đạt	Trên 3 năm	682.816.540	682.816.540	-	Trên 3 năm	682.816.540	682.816.540	-
Công ty Cổ Phần Pharmaland	Từ 1 - 2 năm	131.535.299	65.767.650	65.767.650	6 tháng - 1 năm	131.535.299	-	131.535.299
Các công ty khác	Từ 6 tháng đến 3 năm	724.211.154	696.801.449	27.409.705	Từ 6 tháng đến 2 năm	719.777.634	-	719.777.634
		1.538.562.993	1.445.385.639	93.177.355		1.534.129.473	682.816.540	851.312.933

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi – ngắn hạn

1.445.385.639

682.816.540

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
			Đã điều chỉnh lại	
Nguyên vật liệu	14.308.946.881	(825.816.414)	13.671.831.277	-
Công cụ và dụng cụ	591.565.043	-	208.544.544	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.647.048.884	-	249.922.218	-
Thành phẩm	7.413.910.875	(168.633.091)	0.956.929.198	-
Hàng hóa	25.145.709.693	-	15.768.724.755	-
Hàng gửi bán	1.585.016.729	-	-	-
	50.692.198.105	(994.449.505)	41.855.951.992	-

Bao gồm trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có 944 triệu VND (1/1/2017: 360 triệu VND) hàng tồn kho lỗi thời, chậm luân chuyển khó tiêu thụ được.

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	11.902.134.952	13.954.977.975	1.490.807.000	27.347.919.927
Tăng trong năm	-	467.902.000	102.200.000	570.102.000
Phân loại lại	(84.077.000)	193.884.000	(109.807.000)	-
Số dư cuối năm	11.818.057.952	14.616.763.975	1.483.200.000	27.918.021.927
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.762.355.270	10.434.811.201	1.155.943.649	18.353.110.120
Khấu hao trong năm	684.350.358	901.988.349	59.004.239	1.645.342.946
Phân loại lại	(44.103.167)	(63.942.804)	108.045.971	-
Số dư cuối năm	7.402.602.461	11.272.856.746	1.322.993.859	19.998.453.066
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	5.139.779.682	3.520.166.774	334.863.351	8.994.809.807
Số dư cuối năm	4.415.455.491	3.343.907.229	160.206.141	7.919.568.861

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 6.137 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 4.862 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, tài sản cố định có giá trị còn lại là 2.591 triệu VND (1/1/2017: 2.853 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	170.000.000
Tăng trong năm	40.000.000
	<hr/>
Số dư cuối năm	210.000.000
	<hr/>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	170.000.000
Khấu hao trong năm	4.569.893
	<hr/>
Số dư cuối năm	174.569.893
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	-
Số dư cuối năm	35.430.107
	<hr/>

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 170 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 170 triệu VND).

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Lợi thế kinh doanh VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tiền thuê đất VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	321.288.841	162.440.754	1.644.977.807	1.434.557.297	3.563.264.699
Tăng trong năm	-	518.606.360	-	2.174.248.115	2.692.854.475
Phân loại lại	-	336.129.321	-	(336.129.321)	-
Phân bổ trong năm	(321.288.841)	(767.546.860)	(68.540.505)	(1.335.295.615)	(2.492.671.821)
Thanh lý	-	-	(1.576.437.302)	-	(1.576.437.302)
Số dư cuối năm	-	249.629.575	-	1.937.380.476	2.187.010.051

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
MDC Marketing Services Sdn Bhd	63.117.962.640	53.324.950.260
Shubham Pharmachem Private Limited	18.383.385.494	22.736.782.731
Công ty TNHH MTV Dược Hoài Phương	5.658.217.859	4.815.205.500
Công ty TNHH Dược phẩm Việt Pháp	4.992.907.993	27.125.802.345
Các nhà cung cấp khác	16.112.203.085	21.095.611.958
	108.264.677.071	129.098.352.794

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

(a) Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số phát sinh/ đối trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập cá nhân	268.684.900	-	(62.334.804)	206.350.096
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	930.247.252	1.426.773.404	(2.151.266.191)	205.754.465
	1.198.932.152	1.426.773.404	(2.213.600.995)	412.104.561

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp/đối trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	17.232.557.142	(17.232.557.142)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	419.012.179	(419.012.179)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	148.396.734	1.483.321.339	(1.584.505.764)	47.212.309
Thuế thu nhập cá nhân	10.649.213	197.343.326	(207.992.539)	-
Thuế nhà đất	-	23.996.088	(23.996.088)	-
Tiền thuê đất	-	984.309.928	(984.309.928)	-
Thuế khác	-	62.476.082	(62.476.082)	-
	159.045.947	20.403.016.084	(20.514.849.722)	47.212.309

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
		(Điều chỉnh lại)
Kinh phí công đoàn	-	86.229
Bảo hiểm xã hội	137.273.210	143.519.090
Bảo hiểm y tế	19.661.600	24.839.851
Bảo hiểm thất nghiệp	10.766.525	11.039.930
Phải trả về hàng ủy thác	3.092.949.270	-
Vốn hợp tác kinh doanh phải trả Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	6.000.000.000	25.000.000.000
Lãi hợp tác kinh doanh phải trả Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP	81.500.055	268.767.178
Các khoản phải trả, phải nộp khác	333.778.949	2.511.544.094
	<hr/>	
	9.675.929.609	27.959.796.372
	<hr/>	

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngân hàng	7.711.060.143	7.711.060.143	32.366.692.487	(22.384.795.296)	17.692.957.334	17.692.957.334
Vay cá nhân	6.736.000.000	6.736.000.000	5.912.000.000	(8.986.000.000)	3.662.000.000	3.662.000.000
	14.447.060.143	14.447.060.143	38.278.692.487	(31.370.795.296)	21.354.957.334	21.354.957.334

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Vay ngắn hạn	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	VND	4,5 - 5,5%	17.692.957.334	7.711.060.143
▪ Vay cá nhân	VND	10 - 12%	3.662.000.000	6.736.000.000
			21.354.957.334	14.447.060.143

Khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty (Thuyết minh 10)

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.098.853.936	1.102.853.936
Trích lập trong năm	22.682.865	-
Sử dụng trong năm	-	(4.000.000)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.121.536.801	1.098.853.936

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	17.500.000.000	(53.040.000)	-	1.503.896.405	18.950.856.405
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.056.928.432	2.056.928.432
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(47.400.000)	-	-	(47.400.000)
Cổ tức	-	-	-	(1.050.000.000)	(1.050.000.000)
Phân phối các quỹ	-	-	598.744.210	(598.744.210)	-
Truy thu, phạt thuế	-	-	-	(14.397.762)	(14.397.762)
Số dư tại ngày 1/1/2017	17.500.000.000	(100.440.000)	598.744.210	1.897.682.865	19.895.987.075
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	4.728.440.148	4.728.440.148
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	(61.200.000)	-	-	(61.200.000)
Cổ tức	-	-	-	(1.565.640.000)	(1.565.640.000)
Phân phối các quỹ	-	-	300.000.000	(300.000.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(22.682.865)	(22.682.865)
Điều chỉnh khác	-	(5.640.000)	-	5.640.000	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	17.500.000.000	(167.280.000)	898.744.210	4.743.440.148	22.974.904.358

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.750.000	17.500.000.000	1.750.000	17.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành Cổ phiếu phổ thông	1.750.000	17.500.000.000	1.750.000	17.500.000.000
Cổ phiếu quỹ Cổ phiếu phổ thông	16.400	164.000.000	10.400	104.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	1.733.600	17.336.000.000	1.739.600	17.396.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

20. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 24 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức năm 2016 bằng tiền trị giá 1.566 triệu VND cho năm 2016, tương đương 9% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 (2016: 1.050 triệu VND cho năm 2015, tương đương 6% vốn điều lệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2015) cho các cổ đông của Công ty.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	984.309.928	984.309.928
Trong vòng hai đến năm năm	3.937.239.712	3.937.239.712
Sau năm năm	53.926.017.238	54.910.327.166
	58.847.566.878	59.831.876.806

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	996	22.609.200	1.426	32.412.980

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	125.202.107	99.434.111
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	270.326.856	250.563.291
	395.528.963	349.997.402

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Chi phí tài chính**

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	1.457.060.611	1.418.841.445
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	647.437.747	2.359.748.792
Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	11.351.194	20.996.627
	<hr/>	<hr/>
	2.115.849.552	3.799.586.864

26. Chi phí bán hàng

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	9.819.989.510	11.267.811.781
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.972.510.443	2.596.369.849
Chi phí khác	6.415.706.105	12.970.073.022
	<hr/>	<hr/>
	18.208.206.058	26.834.254.652

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân viên	8.367.936.864	6.627.556.142
Chi phí đồ dùng văn phòng	163.187.603	136.943.790
Chi phí khấu hao	680.526.386	742.700.972
Thuế, phí, lệ phí	1.077.446.521	936.833.352
Dự phòng phải thu khó đòi	934.064.754	682.816.540
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.876.841.651	2.018.642.050
Chi phí khác	4.442.704.284	2.869.092.654
	<hr/>	<hr/>
	18.542.708.063	14.014.585.500

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***28. Thu nhập khác**

	2017 VND	2016 VND
Lãi thanh lý tài sản	4.475.966.089	-
Thu nhập phạt nhân viên do không đạt doanh số	106.366.165	142.401.784
Thu nhập từ cho thuê nhà thuốc	38.500.000	42.000.000
Thu nhập khác	57.624.864	22.490.779
	<hr/>	<hr/>
	4.678.457.118	206.892.563

29. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu	54.797.703.436	57.034.313.198
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	151.791.017.798	188.546.388.223
Chi phí nhân viên	29.283.300.463	36.736.967.158
Chi phí khấu hao	1.649.912.839	1.821.836.971
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.528.824.128	4.598.628.975
Chi phí khác	5.604.594.752	3.449.811.111
	<hr/>	<hr/>

30. Thuế thu nhập**(a) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.211.761.487	2.056.928.432
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	1.242.352.297	411.385.686
Chi phí không được khấu trừ thuế	42.293.250	111.134.172
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	198.675.792	-
	<hr/>	<hr/>
	1.483.321.339	522.519.858

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	993.378.954	198.675.792	-	-

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% từ năm 2016 trở đi.

31. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	4.728.440.148	2.056.928.432
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	-
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	4.728.440.148	2.056.928.432
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	1.737.719	1.740.946
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.721	1.182

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông và lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty không có các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3**Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Dược Việt Nam - CTCP		
Nhận vốn hợp tác kinh doanh	-	25.000.000.000
Trả vốn hợp tác kinh doanh	19.000.000.000	-
Lãi hợp tác kinh doanh phải trả	1.087.691.781	268.767.178
Cổ tức công bố và đã trả	1.023.750.000	682.500.000
Các công ty liên quan		
Công ty Cổ phần Dược phẩm Ceteco USA		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	10.029.046.807	6.643.722.772
Mua hàng hóa và dịch vụ	10.893.279	1.085.458.306
Công ty Cổ phần Dược phẩm Trung Ương CPC1		
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	68.850.000
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương và thưởng	1.545.355.556	1.059.567.897

33. Số liệu so sánh**(a) Điều chỉnh lại**

Khi lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phát hiện sai sót liên quan đến việc ghi nhận hàng ủy thác nhập khẩu trong phải thu ngắn hạn khác, hàng tồn kho và phải trả ngắn hạn khác trong báo cáo tài chính năm trước chưa phù hợp với quy định của Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định rằng sai sót này là trọng yếu và cần được điều chỉnh hồi tố. Do đó một số khoản mục trên bảng cân đối kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 và báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016 đã được điều chỉnh lại.

Công ty Cổ phần Dược Trung Ương 3

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được điều chỉnh lại như sau:

(i) Bảng cân đối kế toán

	1/1/2017 (đã điều chỉnh lại) VND	1/1/2017 (theo báo cáo trước đây) VND
Phải thu ngắn hạn khác	1.862.961.305	84.662.526.474
Hàng tồn kho	41.855.951.992	57.344.297.690
Phải trả ngắn hạn khác	27.959.796.372	126.247.707.239

(ii) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

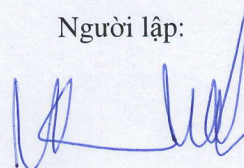
	2016 VND (đã điều chỉnh lại)	2016 VND (theo báo cáo trước đây)
Biến động các khoản phải thu	(39.255.577.791)	(122.055.142.960)
Biến động hàng tồn kho	38.254.949.957	22.766.604.259
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	5.475.786.120	103.763.696.987

(b) Số liệu so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh ở trên, số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Trương Thoại Nhân
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Thắng
Tổng Giám đốc